

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

*“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình,
chia tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hg Trọng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hoan, ông Nguyễn Xuân Thuật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Duy Liệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 634/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cấn Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã TA, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về giải quyết tài sản:** Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1988. Địa chỉ: 225 LL, phường LL, TX Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn N, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã TA, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Bà H, bà N1, ông N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cấn Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông N kết hôn năm 1992, đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã TA, huyện Ba Vì, hai bên kết hôn H toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn ĐC, xã TA. Tôi và ông N sống hạnh phúc với nhau đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, mỗi khi mâu thuẫn xảy ra, ông N đánh, đuổi tôi ra khỏi nhà. Năm 2008, tôi đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó ông N xin lỗi, người thân động viên, tôi đã bỏ qua để vợ chồng cùng nuôi dạy các con. Tuy nhiên sau khi về đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà phát sinh trầm trọng hơn. Cuối năm 2009, tôi đi làm xa nhà, vợ chồng cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Phi H1, sinh ngày 20/7/1995 và Ngô Thị Thanh H2, sinh ngày 23/02/2002. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành, không có nhược điểm thể chất, tinh thần, đã có gia đình, có cuộc sống riêng nên khi Tòa án giải quyết ly hôn, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu H1. Còn lại cháu H2 cũng đã lớn, cháu ở với ai, tôi tôn trọng quyết định của cháu.

- Về tài sản chung: Tôi và ông Ngô Văn N có những tài sản chung sau:

+ Tài sản tại thôn ĐC, xã TA gồm: 01 nhà mái bằng cấp bốn, ba gian, sân, nhà bếp, nhà tắm, 02 điều hòa (01 Panasonic, 01 Daikin), 01 tivi Samsung 52inch, 01 tủ lạnh Toshiba, 01 bộ bàn ghế đồng ky.

+ Tài sản tại thôn ĐL, xã TA gồm: 01 diện tích đất 100m², thửa số 256, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 010903 ngày 09/6/2015.

Tôi có quan điểm chia tài sản chung như sau: Giao cho ông Ngô Văn N được quyền quản lý, sử dụng 01 nhà mái bằng cấp bốn, ba gian, sân, nhà bếp, nhà tắm, 02 điều hòa (01 Panasonic, 01 Daikin), 01 tivi Samsung 52inch, 01 tủ lạnh Toshiba, 01 bộ bàn ghế đồng ky. Tôi được quyền quản lý, sử dụng 01 diện tích đất 100m², thửa số 256, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 010903 ngày 09/6/2015. Không ai phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ai.

- Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Vì điều kiện bận công việc tôi không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt tôi.

** Tại bản tự khai ngày 03/01/2020, cháu Ngô Thị Thanh H2 khai:* Cháu là con thứ hai của bố N và mẹ H, bố mẹ cháu sinh được hai người con trên cháu là anh trai Ngô Phi H1. Cháu có biết việc mẹ làm đơn xin ly hôn với bố, nguyên nhân là do bố mẹ sống không hạnh phúc, trong cuộc sống hay cãi cọ. Nếu mẹ cương quyết xin ly hôn với bố, cháu xin ở với mẹ.

** Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thừa nhận về thời gian đăng ký kết hôn đúng như bà H trình bày, tôi và bà H sống hạnh phúc với nhau đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy các con. Tôi và bà H đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2016 đến nay, trong thời gian sống ly thân, giữa tôi và bà H không quan tâm đến nhau. Nay bà H làm đơn xin ly hôn, tôi cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 02 con chung như bà H trình bày, hiện nay các cháu đã lớn, có gia đình, có cuộc sống riêng. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Tôi thừa nhận giữa tôi và bà H có những tài sản chung như bà H trình bày, tôi cũng đồng ý cách phân chia tài sản chung của bà H.

Vì điều kiện bận công việc tôi không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt tôi.

** Ngày 27/7/2020, Tòa án đã tiến hành thẩm định tài sản của bà Cán Thị H và ông Ngô Văn N thấy rằng:*

- Tài sản tại thôn ĐC, xã TA gồm: 01 nhà 01 tầng(mái bằng), tường xây gạch chỉ 220, chiều dài 9,5m, chiều rộng 7,5m. Tổng diện tích $71,25m^2$, nhà xây dựng năm 2006; 01 mái tôn dài 12m, rộng 7,9m, diện tích $94,8m^2$; 01 nhà bếp, tường xây gạch đất, mái lợp tôn, dài 6,4m, rộng 4,3m, diện tích $23,5m^2$; 01 nhà tắm mái bằng, tường xây gạch chỉ 110, dài 3,2m, rộng 1,7m, diện tích $5,44m^2$; 01 bể nước dài 2,8m, rộng 2,06m, cao 2m = 11,6 khối; 01 sân lát gạch đỏ dài 12m, rộng 7,9m, diện tích $94,8m^2$. Đây là tài sản chung giữa bà Cán Thị H và ông Ngô Văn N. Toàn bộ số tài sản trên nằm trên diện tích đất $3220m^2$, đất đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số A 923061, ngày 29/8/1991. Ngày 27/8/2018 ông Ngô Văn N đã đứng tên chủ sử dụng diện tích đất này.

- Tài sản tại thôn ĐL, xã TA gồm: 01 diện tích đất 100m², thửa số 256, tờ bản đồ số 14, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 010903 ngày 09/6/2015, nguồn gốc đất do ông Ngô Văn N, bà Cấn Thị H nhận chuyển nhượng của anh Trương Văn D. Trong đó chiều rộng thửa đất 05m, chiều dài thửa đất 20m, mặt tiền giáp tỉnh lộ 413, trên đất không có tài sản gì, đất không có tranh chấp với ai.

** Ngày 28/7/2020 người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà N1 và ông N đã có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:*

- Giao cho bà Cấn Thị H được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt tài sản là 01 diện tích đất 100m², thửa số 256, tờ bản đồ số 14; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 010903 ngày 09/6/2015. Nguồn gốc đất do ông Ngô Văn N, bà Cấn Thị H nhận chuyển nhượng của anh Trương Văn D. Trong đó chiều rộng thửa đất 05m, chiều dài thửa đất 20m, mặt tiền giáp tỉnh lộ 413, trên đất không có tài sản gì, đất không có tranh chấp với ai. Địa chỉ thửa đất tại thôn ĐL, xã TA, huyện Ba Vì.

- Giao cho ông Ngô Văn N được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt tài sản là: 01 nhà 01 tầng(mái bằng), tường xây gạch chỉ 220, chiều dài 9,5m, chiều rộng 7,5m. Tổng diện tích 71,25m², nhà xây dựng năm 2006; 01 mái tôn dài 12m, rộng 7,9m, diện tích 94,8m²; 01 nhà bếp, tường xây gạch đất, mái lợp tôn, dài 6,4m, rộng 4,3m, diện tích 23,5m²; 01 nhà tắm mái bằng, tường xây gạch chỉ 110, dài 3,2m, rộng 1,7m, diện tích 5,44m²; 01 bể nước dài 2,8m, rộng 2,06m, cao 2m = 11,6 khối; 01 sân lát gạch đỏ dài 12m, rộng 7,9m, diện tích 94,8m²; 02 điều hòa (01 Panasonic, 01 Daikin), 01 ti vi Sansung 52inh, 01 tủ lạnh Toshiba, 01 bộ bàn ghế đồng kỵ gỗ Hương Vân tay 10, 06 món. Toàn bộ số tài sản trên nằm trên diện tích đất 3220m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 923061, ngày 29/8/1991 đứng tên chủ sử dụng đất ông Ngô Văn B (bố đẻ ông N) (ông N đã được tặng cho diện tích đất này ngày 27/8/2018). Địa chỉ: Thôn ĐC, xã TA, huyện Ba Vì. Bà N1 và ông N đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung vào bản án.

**Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào N án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà H được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Cả hai cháu Ngô Phi H1, sinh ngày 20/7/1995 và Ngô Thị Thanh H2, sinh ngày 23/02/2002 đã trưởng thành, không có nhược điểm thể chất, tinh thần, đã có gia đình, có cuộc sống riêng nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa bà H và ông N.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Cấn Thị H, bà Nguyễn Thị N1 và ông Ngô Văn N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn, hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2016, cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Nên chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn ông N là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung là Ngô Phi H1, sinh ngày 20/7/1995 và Ngô Thị Thanh H2, sinh ngày 23/02/2002. Hiện nay hai cháu đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần, có gia đình, có cuộc sống riêng, đã tự lao động để nuôi mình được nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Giữa bà H và ông N có những tài sản chung như các đương sự đã khai, ngày 28/7/2020 người đại diện theo ủy quyền của bà H và ông N

đã có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung. Xét thấy việc thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng giữa bà H và ông N được thực hiện theo đúng ý chí và nguyện vọng, không trái pháp luật. Tài sản được phân chia thuộc sở hữu hợp pháp của ông N, bà H nên cần được ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 271, Điều 273 Điều 277, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, 25, khoản 5 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cẩn Thị H được ly hôn ông Ngô Văn N.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Ngô Phi H1, sinh 20/7/1995 và Ngô Thị Thanh H2, sinh ngày 23/02/2002 đã trưởng thành nên không xét.

3. Nợ chung: Không xem xét.

3. Công nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa bà Cẩn Thị H và ông Ngô Văn N như sau:

- Bà Cẩn Thị H được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt tài sản là: 01 diện tích đất 100m², thửa số 256, tờ bản đồ số 14; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 010903 ngày 09/6/2015. Địa chỉ thửa đất tại thôn ĐL, xã TA, huyện Ba Vì

- Ông Ngô Văn N được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt tài sản là: 01 nhà 01 tầng(mái bằng), tường xây gạch chỉ 220, chiều dài 9,5m, chiều rộng 7,5m. Tổng diện tích 71,25m², nhà xây dựng năm 2006; 01 mái tôn dài 12m, rộng 7,9m, diện tích 94,8m²; 01 nhà bếp, tường xây gạch đất, mái lợp tôn, dài 6,4m, rộng 4,3m, diện tích 23,5m²; 01 nhà tắm mái bằng, tường xây gạch chỉ 110, dài 3,2m, rộng 1,7m, diện tích 5,44m²; 01 bể nước dài 2,8m, rộng 2,06m, cao 2m; 01 sân lát gạch đỏ dài 12m, rộng 7,9m, diện tích 94,8m²; 02 điều hòa (01 Panasonic, 01 Daikin); 01 ti vi Samsung 52inch; 01 tủ lạnh Toshiba; 01 bộ bàn ghế đồng kỵ gỗ Hương Vân tay 10, 06 món. Thửa đất diện tích đất 3220m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 923061 ngày 29/8/1991; Địa chỉ: Thôn ĐC, xã TA, huyện Ba Vì.

5. Về án phí: Bà Cấn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 24/12/2019 theo biên lai số AG/2010/ 0009799. Hoàn trả bà Cấn Thị H 1.500.000đ(Một triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã TA.
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hg Trọng Đức